TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **474**/2025/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 501/2025/TLST - HNGĐ ngày 10/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị TRẦN THỊ D, sinh ngày 16/4/1988; Căn cước công dân số: do Bộ Công An cấp ngày; HKTT và nơi cư trú: thôn Đ, xã C, Thành phố H.

Bị đơn: Anh NGÔ VĂN T, sinh ngày 15/10/1989; Căn cước công dân số: do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày; HKTT và nơi cư trú: thôn Đ, xã C, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/12/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Ngô Văn T.

- Về con chung: chị Trần Thị D và anh Ngô Văn T có 02 con chung là Ngô Trần D C, sinh ngày 08/6/2014 và Ngô Trần Nhật M, sinh ngày 17/3/2016. Ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng cháu Ngô Trần Nhật M; giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Trần D C cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Nhà nước có thẩm quyền thay thế. Anh chị tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Chị D, anh T có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D và anh T không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Ghi nhận chị Trần Thị D tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0019282 ngày 10/12/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Trả lại chị D 150.000 đồng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 11 - Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã C, Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 07/11/2013;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bạch Tuyết